



CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 23-C3/VNM/2021

SỮA UỐNG DINH DƯỠNG -
YOKOGOLD

2021

BẢN THÔNG TIN NHU CẦU DINH DƯỠNG RNI

Sản phẩm: Sữa uống dinh dưỡng - Yokogold

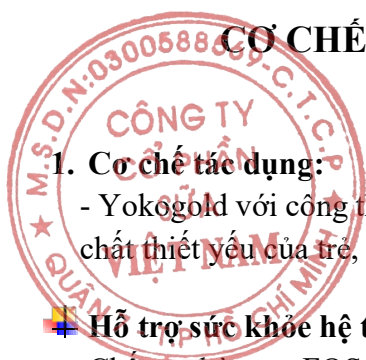
Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố trong 100 ml	Giá trị trên nhãn 110 ml	Mức đáp ứng theo nhu cầu dinh dưỡng % DV							
				1-3 tuổi	4-6 tuổi	7-9 tuổi	10-12 tuổi	13-15 tuổi	16-18 tuổi	19-49 tuổi	50-60 tuổi
Khoáng chất											
Natri	mg	≥ 29,6	40,7	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Kali	mg	≥ 104	143	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Clorid	mg	≥ 60	82,5	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Calci	mg	≥ 113	155	93	77,5	66,4	46,5	46,5	46,5	66,4	46,5
Phospho	mg	≥ 64	88	57,4	52,8	52,8	21,1	21,1	21,1	37,7	37,7
Magnesi	mg	≥ 7,6	10,4	48	41,1	31,2	19,5	13,9	12	15,2	15,2
Sắt	mg	≥ 0,88	1,2	46,8	42,9	30,3	18,5	18,5	14,3	19,7	23,8
Iod	µg	≥ 12,8	17,6	58,7	58,7	58,7	44	44	35,2	35,2	(*)
Kẽm	mg	≥ 0,72	0,99	72,4	58,2	53	30,6	30,6	30,6	42,4	60,6
Đồng	mg	≥ 0,036	0,049	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Selen	µg	≥ 3	4	70,6	54,5	57,1	37,5	37,5	37,5	35,3	35,3
Vitamin											
Vitamin A	IU	≥ 200	275	61,9	55,1	49,5	41,3	41,3	41,3	41,3	41,3
Vitamin D3	IU	≥ 48	66	99	99	99	99	99	99	49,5	49,5
Vitamin E	mg TE	≥ 1,2	1,6	96	80	68,6	43,6	40	36,9	40	40
Vitamin K1	µg	≥ 3,2	4,4	101,5	69,5	55	37,7	26,4	22,8	22,4	(*)
Vitamin C	mg	≥ 11,2	15,4	154	154	132	71,1	71,1	71,1	66	66
Vitamin B1	mg	≥ 0,052	0,07	42	35	23,3	17,5	17,5	17,5	17,5	17,5
Vitamin B2	mg	≥ 0,12	0,16	96	80	53,3	36,9	36,9	36,9	36,9	36,9
Vitamin PP	mg	≥ 0,8	1,1	55	41,3	27,5	20,6	20,6	20,6	20,6	20,6
Vitamin B6	mg	≥ 0,072	0,09	54	45	27	20,8	20,8	20,8	20,8	15,9
Acid folic	µg	≥ 15,2	20,9	39,2	31,4	20,9	15,7	15,7	15,7	15,7	15,7
Acid pantothenic	mg	≥ 0,34	0,46	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Vitamin B12	µg	≥ 0,25	0,34	113,3	85	56,7	42,5	42,5	42,5	42,5	42,5
Biotin	µg	≥ 1,43	1,9	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)
Cholin	mg	≥ 24,4	33,5	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)	(*)

Ghi chú:

% DV: Mức đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng hàng ngày (tính bằng % mức đáp ứng) của lượng vitamin và khoáng chất trung bình theo RNI được công bố trên nhãn sản phẩm tương ứng lượng dụng đề nghị 3 hộp 110 ml/ngày (tương ứng 330 ml/ngày).

Mức khuyến nghị RNI theo phụ lục “Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế.

(*) Không quy định bởi Phụ lục “Bảng nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam” ban hành kèm theo Thông tư số 43/2014/TT-BYT ngày 24/11/2014 của Bộ Y tế.



CƠ CHẾ TÁC DỤNG VÀ TÀI LIỆU CHỨNG MINH

Sữa uống dinh dưỡng - Yokogold

1. Cơ chế tác dụng:

- Yokogold với công thức dinh dưỡng dễ tiêu hóa là nền tảng cho việc hấp thu các dưỡng chất thiết yếu của trẻ, giúp tăng cường sức đề kháng và phát triển não bộ.

✚ Hỗ trợ sức khỏe hệ tiêu hóa, tăng khả năng hấp thu

Chất xơ hòa tan FOS (Oligofructose) và Inulin giúp tăng cường hệ vi khuẩn có lợi cho đường ruột và tăng khả năng hấp thu các dưỡng chất. (Tài liệu 2.2).

✚ Hỗ trợ phát triển não bộ

Taurin nhập khẩu từ Nhật kết hợp cùng DHA, Lutein và Cholin hỗ trợ phát triển não bộ, thị giác, giúp tăng khả năng nhận thức và học hỏi của trẻ (Tài liệu 2.3; Tài liệu 2.4; Tài liệu 2.5).

✚ Hỗ trợ phát triển chiều cao và sức đề kháng

Khoáng Canxi nhập khẩu từ Nhật và vitamin D giúp hệ xương chắc khỏe, hỗ trợ phát triển chiều cao.

Các Vitamin và Khoáng chất thiết yếu như A, D, C, Kẽm, Selen và hỗn hợp Nucleotid giúp tăng cường sức đề kháng, hỗ trợ hệ miễn dịch, bảo vệ trẻ khỏi bệnh nhiễm khuẩn thông thường (Tài liệu 2.1 trang 56, 89, 86, 134, 67-68, 73; Tài liệu 2.6).

Sản phẩm với các thành phần vitamin và khoáng chất:

- **Vitamin A:** có tác dụng bảo vệ mắt, chống quáng gà và bệnh khô mắt, đảm bảo sự phát triển bình thường của bộ xương, răng, bảo vệ niêm mạc và da, tăng cường sức đề kháng của cơ thể chống lại các bệnh nhiễm khuẩn (Tài liệu 2.1, trang 86).
- **Vitamin D:** giúp cơ thể sử dụng tốt calci và phospho để hình thành và duy trì hệ xương, răng vững chắc (Tài liệu 2.1, trang 89).
- **Vitamin E:** có vai trò chính là chống oxy hóa. Như là một chất thu dọn gốc tự do, Vitamin E bảo vệ các acid béo không bão hoà nhiều nối đôi (PUFA) và cholesterol trong màng tế bào, bảo vệ hệ thần kinh, làm tăng tuần hoàn máu nên làm giảm nguy cơ mắc bệnh tim mạch, bảo vệ hệ cơ, xương và võng mạc mắt. Vitamin E cần thiết đối với chức năng miễn dịch bình thường (Tài liệu 2.1, trang 92-93).
- **Vitamin K1:** có chức năng chính như một coenzym trong quá trình tổng hợp nhiều thể hoạt động sinh học của protein, tham gia quá trình đông máu như protein của prothrombin. Vitamin K1 có tác dụng gắn các phân tử cacbon dioxide vào các glutamate dư trên protein làm tăng tiềm năng gắn canxi vào xương, hệ cơ. Biểu hiện chính của thiếu vitamin K1 là thời gian đông máu kéo dài (Tài liệu 2.1, trang 97).
- **Vitamin C:** có chức năng như một chất chống oxy hóa để bảo vệ cơ thể chống lại các tác nhân gây oxy hóa có hại; còn có chức năng chống lại dị ứng, làm tăng chức năng

miễn dịch, kích thích tạo dịch mật và giải phóng các hormon steroid; cần cho chuyển đổi cholesterol thành acid mật, liên quan đến giải độc (Tài liệu 2.1, trang 134).

- **Vitamin B1:** tham gia vào việc ổn định chức năng hoạt động của hệ thần kinh. Thiếu vitamin B1 gây mất cảm giác ngon miệng, chán ăn, giảm trương lực cơ, thay đổi về thần kinh (Tài liệu 2.1, trang 99).
- **Vitamin B2:** được coi như một yếu tố quan trọng cho phát triển và phục hồi các mô ở động vật. Tham gia vào cấu trúc của 2 coenzym flavin mononucleotid (FMN) và flavin adenin dinucleotid (FAD). Những coenzym này hoạt động trong phản ứng oxy hóa khử. Ngoài ra, Riboflavin rất cần thiết cho sự phát triển và sinh sản (Tài liệu 2.1, trang 102, 103).
- **Vitamin PP (vitamin B3):** đóng vai trò chất mang hoặc đồng enzyme để chuyển iron hydro trong các men thủy phân và có vai trò quan trọng trong các phản ứng oxy hoá khử sinh học. Thiếu vitamin PP gây các triệu chứng viêm da, viêm liệt thần kinh ngoại biên, tổn thương đường tiêu hoá (Tài liệu 2.1, trang 105, 107).
- **Vitamin B6:** có vai trò quan trọng đối với các enzyme cần cho quá trình chuyển hóa amino acid, glycogen và các gốc sphingoid. Thiếu vitamin B6 có thể gây viêm da tăng bã nhờn, thiếu máu hồng cầu nhỏ, có cơn run giật kiểu động kinh, trầm cảm và rối loạn ý thức. Thiếu vitamin B6 cũng dẫn tới rối loạn thần kinh, giảm chức năng của tiểu cầu, quá trình đông máu và nguyên nhân gây ra các bệnh tim mạch (Tài liệu 2.1, trang 114-115).
- **Acid folic:** hoạt động như một coenzym trong phản ứng di chuyển gốc cacbon trong chuyển hóa acid nucleic và các amino acid, giúp tạo hồng cầu, chống dị tật ống thần kinh trong quá trình hình thành thai nhi (Tài liệu 2.1, trang 117-118).
- **Acid pantothenic (vitamin B5):** là thành phần của Coenzymen A (CoA) và phosphopantethein trong các tế bào sống, tham gia vào rất nhiều các phản ứng hoá học trong cơ thể đặc biệt chuyển hoá acid béo do vậy cần thiết cho tất cả các dạng của sự sống (Tài liệu 2.1, trang 110).
- **Vitamin B12:** là một cơ chất (cofactor) gắn vào enzyme cần thiết cho hoạt tính của hai loại enzyme gồm methionine synthase xúc tác tổng hợp methionine và L-methylmalonyl-CoA mutase xúc tác trong chuyển hoá L-methylmalonyl-CoA. Thiếu vitamin B12 làm tăng homocystein dẫn đến thiếu máu (thiếu hồng cầu to tương tự thiếu acid Folic) và việc tăng homocystein ở người trên 60 tuổi là nguyên nhân các bệnh tim mạch. Thiếu vitamin B12 ở phụ nữ mang thai cũng gây dị tật ống thần kinh ở trẻ sơ sinh (Tài liệu 2.1, trang 123-125).
- **Biotin (Vitamin B7 hay vitamin H):** đóng vai trò cơ chất (cofactor) kết hợp enzyme để xúc tác trong các phản ứng carboxyl hóa. Biotin rất quan trọng cho tóc và móng giúp tóc mọc nhanh, khỏe và dày. Thiếu biotin gây rụng tóc, móng giòn dễ gãy. Biotin có vai trò ổn định đường huyết (Tài liệu 2.1, trang 128).
- **Choline:** là tiền tố tổng hợp Phosphatidylcholin và Acetylcholin, đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc toàn vẹn của màng tế bào, chuyển hoá methyl, các dẫn truyền thần kinh kiểu choline và tín hiệu màng tế bào. Choline xúc tác sự tổng hợp hoặc phân giải một

chất dẫn chất truyền thần kinh quan trọng là acetylcholine – có vai trò quan trọng đối với trí nhớ, kiểm soát cơ vân, và nhiều chức năng khác (Tài liệu 2.1, trang 135-136).

- **Natri:** là một chất điện giải chính có vai trò điều hòa áp lực thẩm thấu và cân bằng thể dịch, cân bằng acid-base, hoạt động điện sinh lý trong cơ, thần kinh và chống lại các yếu tố gây sức ép đối với hệ thống tim mạch (Tài liệu 2.1, trang 143).
- **Kali:** đóng vai trò cân bằng điện giải, cân bằng acid và rất quan trọng đối với hoạt động hệ thống liên kết và cơ tim. Kali có vai trò góp phần vận chuyển các xung động thần kinh và duy trì huyết áp bình thường (Tài liệu 2.1, trang 146).
- **Clorid:** giúp duy trì cân bằng nước và điều áp lực nội môi và cân bằng acid-base. Clorid có vai trò đặc biệt duy trì pH máu, và tham gia vào thành phần dịch vị (Tài liệu 2.1, trang 148).
- **Calci:** giúp cơ thể hình thành hệ xương và răng vững chắc, đảm bảo chức phận thần kinh và sự đông máu bình thường (Tài liệu 2.1, trang 56).
- **Phospho:** có vai trò hình thành và duy trì hệ xương và răng vững chắc, và duy trì các chức phận của cơ thể (Tài liệu 2.1, trang 58).
- **Magnesi:** thay thế calci trong vận chuyển và quá trình khoáng hóa như tạo xương, tích hợp các chất khoáng, có chức năng như một enzyme co-factor, định hình hoạt động của các hormone trong cơ thể. Magnesi còn có vai trò quan trọng đối với nhiều chức năng liên kết, bao gồm cả sao chép DNA và tổng hợp protein (Tài liệu 2.1, trang 60).
- **Sắt:** đóng vai trò hết sức quan trọng trong cơ thể. Sắt cùng với protein tạo thành huyết sắc tố (hemoglobin), vận chuyển O₂ và CO₂, phòng bệnh thiếu máu và tham gia vào thành phần các men oxy hóa khử (Tài liệu 2.1, trang 62).
- **Iod:** là thành phần thiết yếu của các hormone tuyến giáp, điều hoà nhiều phản ứng sinh hoá quan trọng, bao gồm tổng hợp protein và hoạt động các enzyme. Iod giúp tuyến giáp trạng hoạt động bình thường, phòng bệnh bướu cổ và thiếu năng trí tuệ (Tài liệu 2.1, trang 71).
- **Kẽm:** là vi khoáng cần thiết cho sự tăng trưởng và phát triển hợp lý, giúp cơ thể chuyển hóa năng lượng và hình thành các tổ chức, giúp trẻ ăn ngon miệng và phát triển tốt. Kẽm góp phần vào chức năng bình thường của hệ miễn dịch. (Tài liệu 2.1, trang 67 và 68).
- **Đồng:** là thành phần của số metalloenzyme, hoạt động như oxidase trong khử oxy phân tử. Một số metalloenzyme bao gồm: Diamine oxidase – khử hoạt tính của histamin sinh ra từ những phản ứng gây dị ứng; Enzyme đồng/kẽm superoxide dismutase (Cu/Zn SOD) bảo vệ khỏi tác hại oxy hoá, đột biến gen (Tài liệu 2.1, trang 76).
- **Selen:** là một chất dinh dưỡng chống oxy hoá, điều hoà hoạt động hormone tuyến giáp và trạng thái oxy hoá khử của Vitamin C và các phân tử khác (Tài liệu 2.1, trang 73).

2. Tài liệu chứng minh:

- 2.1 Nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị cho người Việt Nam. Bộ Y tế, Viện Dinh Dưỡng, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội (2016).
- 2.2 M. Sabater-Molina, E. Larqué, F. Torrella and Zamora. Dietary fructooligosaccharides and potential benefits on health. *Journal of physiology and biochemistry* 65(3):315-28, 2009.
- 2.3 Meharban Singh. Essential Fatty Acids, DHA and Human Brain. *Indian Journal of Pediatrics*, Volume 72-March, 2005, 239-242.
- 2.4 Lutein Maria Ramirez. Why lutein is important for the eye and the brain. OCL© M. Ramirez, Published by EDP Sciences 2015, DOI: 10.1051/ocl/2015027
- 2.5 Steven H. Zeisel. The fetal origins of memory: The role of Dietary Choline in optimal brain development. *J Pediatr*. 2006 November; 149(5 Suppl): S131–S136.
- 2.6 Aaron Lerner and Raanan Shamir, Nucleotides in Infant Nutrition: A Must or an Option. *IMAJ* 2000;2:772–774.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021

Phê duyệt**Mai Kieu Lien**

Tổng giám đốc

Đã phê duyệt

Ngày hoàn tất: 18/11/2021

09:46 PM

Xem xét**Hoang Thanh Van**

Trưởng ban Quản lý sản phẩm

Đã xem xét

Ngày hoàn tất: 18/11/2021 01:17 PM

Đề xuất**Ngo Minh Ly**

CV Quản lý sản phẩm

Đã đề xuất

Ngày hoàn tất: 18/11/2021

11:43 AM

Bui Thi Thu Hoai

Giám đốc Nghiên cứu & Phát triển

Đã xem xét

Ngày hoàn tất: 18/11/2021 01:31 PM

Le Hoang Anh

Trưởng ban Kiểm soát hệ thống và Quản lý ISO

Đã xem xét

Ngày hoàn tất: 18/11/2021 03:48 PM

Nguyen Quoc Khanh (GDDH)

Giám đốc điều hành Khối Nghiên cứu & Phát triển

Đã xem xét

Ngày hoàn tất: 18/11/2021 04:54 PM

Tran Thai Thoai Tran

Giám đốc Phòng Kiểm soát nội bộ & Quản lý rủi ro

Đã xem xét

Ngày hoàn tất: 18/11/2021 09:39 PM